

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2023.

(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính.

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Châu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 795/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hồng N– sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Ông Dương Cảnh Đ– sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Vợ chồng sống chung không hạnh phúc nhưng bà vẫn cố gắng chịu đựng một mình vì gia đình cố gắng chịu đựng đến bây giờ, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng không thể hòa hợp, ảnh hưởng tới gia đình con cái. Hai bên gia đình có ngồi lại hòa giải nhưng không có kết quả. Ông Đ dùng những lời lẽ đe dọa bà và lấy điện thoại của bà đập mấy lần. Tiền lương của ai người đó xài, ông Đ không

đưa cho bà. Mặc dù hai vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: bà khai có 02 con chung tên Dương Lê A (nam) - sinh ngày 06/4/2013 và Dương Minh K (nam), sinh ngày 15/9/2015. Sau khi ly hôn, bà xin giao quyền nuôi con Dương Lê A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Dương Minh K và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, bà N trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và không ai quan tâm đến ai. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tại nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn Dương Cảnh Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà N tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc sau đó thì mâu thuẫn do không thể hòa hợp, khắc khẩu, dẫn đến không tin tưởng nhau được ảnh hưởng tới gia đình và con cái. Vợ chồng cũng như hai bên gia đình cũng nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Trong lúc nóng giận thì ông có nói nặng lời với bà N nhưng ông đã xin lỗi bà N rồi. Tiền lương của ông không đưa cho bà N vì ông đang đi học và ông cũng nói với vợ. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà N làm đơn ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, tôi muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Dương Lê A (nam) - sinh ngày 06/4/2013 và Dương Minh K (nam), sinh ngày 15/9/2015. Nếu đặt trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng tiền nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Dương Cảnh Đ trình bày: ông vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây, ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng tiền nuôi hai

con chung; Về tài sản chung và nợ chung ông giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của bà Lê Thị Hồng N và ông Dương Cảnh Đ là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông bà mặc dù sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Dương Lê A (nam) - sinh ngày 06/4/2013 và Dương Minh K (nam), sinh ngày 15/9/2015. Theo hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: ông bà đều có công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống cho các cháu nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX giao con Dương Lê A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Dương Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: do các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đ không có đơn yêu cầu về phần tài sản chung nên VKS không có ý kiến.

Về nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Dương Cảnh Đ hiện cư trú tại xã P, thành phố Phan Thiết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Lê Thị Hồng N và ông Dương Cảnh Đ là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện L, tỉnh Bình Thuận vào ngày 24 tháng 02 năm 2012.

Quá trình giải quyết vụ án, ông bà đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông bà xác định mặc dù đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mặc dù sống chung nhà nhưng không thể nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng cả ông Đ, bà N đều khẳng định không thể nói chuyện được với nhau. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Lê Thị Hồng N được ly hôn với ông Dương Cảnh Đ.

[3] Về con chung: Ông Đ, bà N khai có 02 con chung tên Dương Lê A(nam), sinh ngày 06/4/2013 và Dương Minh K (nam), sinh ngày 15/9/2015. Sau khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Dương Minh K và đồng ý giao con Dương Lê A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Bị đơn ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, cả ông Đ và bà N đều có công việc ổn định (đều công tác trong ngành y) và có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Bị đơn ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, tuy nhiên hiện nay ông Đ vừa đi làm vừa đi học nên để đảm bảo cho việc học hành cũng như ổn định cuộc sống cũng như về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N giao con Dương Lê A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Dương Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Đ, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: do các đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, ông Đ không có đơn yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về phần nợ chung: Bà N, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng N được ly hôn ông Dương Cảnh Đ.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Dương Lê A (nam), sinh ngày 06/4/2013 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao con Dương Minh K (nam), sinh ngày 15/9/2015 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Đ, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đ, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 14/12/2022, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0014028, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/3/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Tòa án tỉnh Bình Thuận;
- UBND TT. L, Tánh Linh, BT;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

PHAN THỊ THÁI